

Quyển thứ 8

卷第八

勅修百丈清規卷第八

大智壽聖禪寺住持臣僧德輝奉勅重編

大龍翔集慶寺住持臣僧大訴奉勅校正

法器章第九

[1155b09] 上古之世有化而無教。化不足而禮樂作焉。擊壤之歌不如九成之奏。窪樽之飲不若五齊之醇。然文生於質貴乎本也。吾天竺聖人最初示化。謂人人妙覺本無凡聖。物物全真寧有淨穢。無假修證不涉功用。而昧者茫然自失。若聾瞽焉。於是隨機設教擊犍椎。以集眾演之為三藏。修之為禪定。迄[4]于四十九年而化儀終矣。梵語犍椎凡瓦木銅鐵之有聲者。若鍾磬鐃鼓椎板螺唄。叢林至今倣其制而用之。于以警昏怠。肅教令導幽滯而和神人也。若夫大定常應大用常寂。聞非有聞覺亦非覺。以考以擊玄風載揚。無思無為化日自永。雍雍乎仁壽之域。清泰之都矣。

SẮC TU BÁCH TRƯỞNG THANH QUI QUYỂN ĐỆ BÁT

* *

**ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH THIÊN TỰ TRỤ TRÌ THẦN, TẶNG ĐỨC HUY PHỤNG
SẮC TRÙNG BIÊN**

**ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH TỰ TRỤ TRÌ THẦN, TẶNG ĐẠI HÂN PHỤNG
SẮC HIỆU CHÍNH**

*

PHÁP KHÍ CHƯƠNG ĐỆ CỬU

[1155b09] Thượng cổ chi thể hữu hoá nhi vô giáo, hoá bất túc nhi lễ nhạc tác diên. Kích nhượng chi ca bất như cửu thành chi tấu, Oa tôn chi âm bất nhược ngũ tề chi thuần, nhiên văn sinh ư chất quý hồ bồn dã. Ngô Thiên Trúc Thánh nhân tối sơ thị hoá, vị nhân nhân diệu giác bồn vô phạm thánh, vật vật toàn chân ninh hữu tịnh uest, vô giả tu chứng bất thiệp công dụng. Nhi muội giả mang nhiên tự thất, nhược lung cổ diên. Ư thị tùy cơ thiết giáo, kích kiên chuy, dĩ tập chúng diển chi vi tam tạng, tu chi vi thiên định. Ngật vu tứ thập cửu niên nhi hoá nghi chung hỹ. Phạn ngữ kiên chuy, phạm ngoã mộc đồng thiết chi hữu thanh giả, nhược chung khánh nạo cổ chuy bản loa bối. Tùng lâm chí kim phỏng kỳ chế nhi dụng chi, vu dĩ cảnh hôn đái, túc giáo lệnh, đạo u trệ nhi hoà thần nhân dã. Nhược phù đại định thường ứng, đại dụng thường tịch, văn phi hữu văn, giác diệc phi giác, dĩ khảo dĩ kích huyền phong tái dương, vô tư vô vi hoá nhật tự vĩnh, ung ung hồ nhân thọ chi vực, thanh thái chi đô hỹ.

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI QUYỂN 8

**

TRỤ TRÌ CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH LÀ TĂNG
BỀ TÔI ĐỨC HUY PHỤNG SẮC CHỈ BIÊN SOẠN LẠI
TRỤ TRÌ CHÙA ĐẠI LONG TƯỜNG TẬP KHÁNH LÀ TĂNG
BỀ TÔI ĐẠI HÂN PHỤNG SẮC CHỈ HIỆU CHÍNH

*

CHƯƠNG 9 – PHÁP KHÍ

[1155b09] Đòi thượng cổ có cảm hóa mà không có giáo huấn. Nhưng vì cảm hóa không đủ nên phải tạo ra lễ nhạc. Ca bằng kích nhường không bằng tấu khúc cửu thành; dùng chén oa tôn không bằng sử dụng ngũ tề. Văn hoa phát sinh từ thực chất, nên cái quý giá là bản chất vậy. Bậc thánh nhân của ta người Thiên Trúc, ban đầu dạy dỗ giáo hóa chúng sinh cho rằng mọi người đều có diệu giác, không ai phàm, ai thánh; muôn vật đều thuần chân, há có cái gì dơ, cái gì sạch. Không cần nhờ đến sự tu chứng, chẳng liên quan gì đến việc dụng công. Nhưng mà những kẻ mê muội, lù mù ngớ ngẩn như mù lò, đếc lác. Bởi thế, đức Thế Tôn tùy theo căn cơ mà thiết lập giáo pháp, đánh kiên chùy, hợp tăng chúng, tuyên thuyết ba tạng Thánh giáo, tu tập theo pháp môn thiên định. Trải qua 49 năm thì hoá nghi xong. Thế rồi, các bậc cổ đức dùng các thứ như ngói, gỗ, đồng, sắt có thể phát ra âm thanh chế tạo thành chuông, khánh, nạo bạt, cái dùi (chùy), bản, loa, bổi mà tiếng Phạn gọi là

Kiên chùy để sử dụng. Và thiền lâm từ xưa đến nay mô phỏng theo đó mà chế tạo ra các pháp khí dùng để đánh thức những kẻ hôn trầm, lười biếng, khiến họ nghiêm túc tuân theo quy củ mà giải trừ sự trì trệ trở thành người lanh lợi sáng suốt. Nếu bàn về đại định thì thường vắng lặng có công dụng lớn lao: nghe mà chẳng phải nghe, biết mà cũng như không biết; nhờ có khua động kích thích mà ngọn gió màu nhiệm thổi tung; không suy nghĩ, không hành động mà hóa như trường cửu; thân thang thay cảnh giới nhân ái trường thọ; ung dung thay xử sở an ổn thái bình!

*

* *

鍾大鍾

[1155b23] 叢林號令資始也。曉擊則破長夜警睡眠。暮擊則覺昏衢疏冥昧。引杵宜緩揚聲欲長。凡三通各三十六下。總一百八下。起止三下稍緊。鳴鍾行者想念偈云(願此鍾聲超法界。鐵圍幽暗悉皆聞。聞塵清淨證圓通。一切眾生成正覺)仍稱觀世音菩薩名號。隨號扣擊其利甚大。遇。

[1155b29] 聖節看經上殿下殿。三八念誦佛誕成道涅槃。建散楞嚴會諷經齋粥過堂人定時。各一十八下。如接送官員住持尊宿。不以數限。庫司主之。

CHUNG – ĐẠI CHUNG

[1155b23] Tùng lâm hiệu lệnh tư thí dã, hiệu kích tác phá trường dạ, cảnh thuy miên, mộ kích tác giác hôn

cù, số minh muội, dẫn chữ nghi hoãn, dương thanh
dục trường. Phạm tam thông các tam thập lục hạ,
tổng nhất bách bát hạ, khởi chỉ tam hạ sảo khần.
Minh chung hành giả tưởng niệm kệ vân:

“Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới,
Thiết vi u ám tất giai văn.
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông.
Nhất thiết chúng sinh thành Chánh giác.”

Nhưng xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu. Tuy
hiệu khẩu kích kỳ lợi thậm đại.

[1155b29] Ngô thánh tiết khán kinh thượng điện hạ
điện, tam bát niệm tụng, Phật đàn, thành đạo, Niết-
bàn, kiến tán Lăng nghiêm hội, phúng kinh trai chúc
Quá đường nhập định thời, các nhất thập bát hạ; như
tiếp tổng quan viên, Trụ trì tôn túc, bất dĩ số hạn. Khó
ty chủ chi.

CÁC LOẠI CHUÔNG – ĐẠI HỒNG CHUNG

[1155b23] *Hiệu lệnh của Tụng lâm nhờ vào các loại
chuông này. Đánh vào buổi sáng là để phá tan đêm
dài, đánh thức sự ngủ nghỉ, còn đánh vào buổi chiều
là để thức tỉnh hôn mê, giải tỏa u ám. Kéo chày động
chuông phải chậm rãi khiến cho tiếng vang được kéo
dài. Thông thường mỗi lần đánh là ba hồi, mỗi hồi ba
mươi sáu tiếng, tổng cộng là 108 tiếng. Khi khởi đầu
và lúc kết thúc phải nhịp ba tiếng, hơi nhanh một
chút, và người đánh chuông tưởng niệm bài kệ:*

“Nguyên tiếng chuông này siêu pháp giới,
Thiết vi tâm tối thủy đều nghe.
Sức nghe thanh tịnh chứng viên thông,
Hết thấy chúng sinh thành Chánh giác”.

Đồng thời niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, vừa đánh, vừa niệm lợi ích rất lớn.

[1155b29] Nếu gặp ngày Thánh tiết, tụng Kinh, ra vào chánh điện, nhằm dịp tụng niệm các ngày mùng tám, mười tám, hăm tám, các ngày lễ Phật đản sinh, thành đạo, Niết-bàn, hay lúc thiết lập pháp hội Lăng nghiêm, lúc cơm cháo quá đường, nhập định đều đánh 108 tiếng. Còn khi đánh để đưa đón các quan viên, Trụ trì, tôn túc thì không hạn chế 108 tiếng mà có thể tùy nghi nhiều hay ít. Việc này do Khố ty chủ trì.

*

* *

僧堂鍾

[1155c03] 凡集眾則擊之。遇住持每赴眾入堂時鳴七下。齋粥下堂時放參時。旦望巡堂喫茶下床時。各三下(住持或不赴堂。或在假則不鳴)堂前念誦時念佛一聲。輕鳴一下。末疊一下。堂司主之。

TÀNG ĐƯỜNG CHUNG

[1155c03] Phàm tập chúng tắc kích chi. Ngô trụ trì mỗi phó chúng nhập đường thời minh thất hạ, trai chúc hạ đường thời, phóng tham thời, đán vọng tuần đường khiết trà hạ sàng thời, các tam hạ (Trụ trì hoặc

bất phó đường, hoặc tại giả tắc bất minh). Đường tiền niệm tụng thời niệm Phật nhất thanh, khinh minh nhất hạ, mặt điệp nhất hạ. Đường ty chủ chi.

CHUÔNG TREO Ở TĂNG ĐƯỜNG

[1155c03] Chuông này dùng để đánh khi tập họp Tăng chúng. Mỗi khi Trụ trì đến thăm đại chúng hay vào tăng đường thì đánh bảy tiếng. Còn khi kết thúc các bữa cơm cháo Tăng chúng rời khỏi trai đường, lúc phóng tham, các ngày mông một, ngày rằm, lúc tuần đường, uống trà, rời khỏi thiền sàng thì đánh ba tiếng (nhưng nếu Trụ trì không đến tham dự hay vắng mặt thì không đánh). Khi Tăng chúng niệm tụng tại Tăng đường thì mỗi tiếng niệm Phật đánh nhẹ một tiếng và cuối cùng đánh “double” (xáp đôi) một tiếng. Việc này do Đường ty chủ trì.

*

* *

殿鐘

[1155c07] 住持朝暮行香時鳴七下。凡集眾生殿。必與僧堂鐘相應接擊之。知殿主之。

[1155c10] 感通傳云。拘留孫佛於乾竺修多羅院。造青石鍾。於日出時有諸化佛與日俱出。密說顯演十二部經。聞法證聖不可勝數。增一阿含經云。若打鍾時一切惡道諸苦並皆停止。又金陵志云。民有暴死入冥司。見有五木縲械者。告之曰。吾南唐先主也。以宋齊兵之誤殺和州降者致

此。每聞鍾聲暫息吾苦。仗汝歸白嗣君。為吾造鐘。民還具聞後主。因造大鐘於清涼。寺鑄曰薦烈祖孝高皇帝脫幽出厄。

ĐIỆN CHUNG

[1155c07] Trụ trì triều mộ hành hương thời minh thất hạ. Phàm tập chúng thượng điện, tất dữ Tăng đường chung tương ứng tiếp kích chi. Trì điện chủ chi.

[1155c10] Cảm Thông truyện vân: “Câu Lưu Tôn Phật ư Càn Trúc Tu-đa-la viện, tạo thanh thạch chung. Ư nhật xuất thời hữu chư hoá Phật dữ nhật câu xuất, mật thuyết hiển diễn thập nhị bộ kinh. Văn pháp chứng thánh bất khả thắng số”. Tăng Nhất A-hàm kinh vân: “Nhược đả chung thời nhất thiết ác đạo chư khổ tịnh giai đình chỉ”.

Hựu Kim lăng chí vân: “Dân hữu bạo tử nhập minh ty, kiến hữu ngũ mộc luy giới giả, cáo chi viết: ‘Ngô Nam Đường tiên chủ dã, dĩ Tổng Tề binh chi ngô sát hoà châu hàng giả trí thử, mỗi văn chung thanh tạm tức ngô khổ, trượng nữ qui bạch tự quân, vị ngô tạo chung’. Dân hoàn cụ văn Hậu Chủ. Nhân tạo đại chung ư Thanh Lương tự, tuyên viết tiến liệt tổ Hiếu Cao hoàng đế thoát u, xuất ách.”

CHUÔNG ĐỂ Ở CHÁNH ĐIỆN

[1155c07] Vào các buổi sáng và tối, khi Trụ trì vào thắp hương, đánh bảy tiếng chuông này. Thông thường khi tập hợp tăng chúng lên chánh điện thì

đánh chuông này nối tiếp với chuông ở tầng đường, và do Duy-na điều khiển.

[1155c10] *Truyện Cảm thông kể rằng: “Đức Phật Câu-lưu-tôn khi ở viện Càn Trúc Tu-đa-la có chế tạo một cái chuông bằng đá xanh. Vào lúc mặt trời xuất hiện có các vị Hóa Phật cùng xuất hiện một lần với mặt trời, đã bí mật tuyên thuyết hiển giáo, và được xếp thành mười hai thể loại Kinh điển. Những người được nghe giáo pháp này chứng đắc Thánh quả không thể kể xiết”.*

Kinh Tăng nhất A-hàm cũng nói: “Khi đánh chuông, tất cả mọi nỗi khổ trong đường ác đều được ngừng lại”.

Còn sách Kim lãng chí viết: “Thuở ấy, có một người dân bị chết đột ngột, xuống cõi âm ty, thấy một người bị gông cùm bằng năm thanh gỗ nói với ông: ‘Ta là tiên chúa của Nam Đường, vì ta giết nhâm quân Tổng Tề và quân đầu hàng của một châu mà đến nỗi này. Mỗi lần được nghe tiếng chuông thì sự đau khổ của ta tạm thời chấm dứt. Nhờ người khi trở về dương thế nói với tự quân (vua kế ngôi) đức đại Hồng chung mà đánh để giúp ta bớt khổ’. Tên dân ấy khi được sống lại, trở về dương thế, thuật lại đầy đủ với Hậu chúa. Nhân đó, Hậu chúa cho đức đại Hồng chung treo tại chùa Thanh Lương, trên chuông khắc hàng chữ “Kính dâng liệt tổ khảo cao hoàng để thoát cảnh u đồ, là nơi ách nạn”.

*

版

[1155c21] 大版齋粥二時長擊三通。木魚後三下疊疊擊之。謂之長版。念誦楞嚴會做戒火燭。各鳴三下。報更則隨更次第擊之。方丈庫司首座寮及諸寮。各有小版。開靜時皆長擊之。報眾時各鳴[7]二下。眾寮內外各有版。外版每日大眾問訊時三下。坐禪坐參時各三下。候眾歸堂次第鳴之。點茶湯時長擊之。內版掛搭歸寮時三下。茶湯行盞二下。收盞一下。退座三下。小座湯長擊之。

BẢN

[1155c21] Đại bản trai chúc nhị thời trường kích tam thông. Mộc ngư hậu tam hạ điệp điệp kích chi, vị chi trường bản. Niệm tụng Lăng nghiêm hội, cảnh giới hoá chúc, các minh tam hạ, báo canh tắc tùy canh thứ đệ kích chi. Phương trượng, Khố ty, Thủ toạ liêu cập chư liêu, các hữu tiêu bản, khai tĩnh thời giai trường kích chi, báo chúng thời các minh nhị hạ. Chúng liêu nội ngoại các hữu bản. Ngoại bản mỗi nhật đại chúng vấn tần thời tam hạ, toạ thiền, toạ tham thời các tam hạ, hậu chúng quy đường thứ đệ minh chi, điềm trà thang thời trường kích chi. Nội bản quả đáp qui liêu thời tam hạ, trà thang hành trần nhị hạ, thu trần nhất hạ, thoái toà tam hạ. Tiêu toà thang trường kích chi.

BẢN

[1155c21] Bản lớn dùng để đánh vào hai bữa cơm và cháo. Sau khi đánh ba tiếng mõ thì tiếp đánh ba hồi bản dài, gọi là trường bản. Lúc tụng kinh Lăng nghiêm hay cảnh giác về việc củi lửa thì đánh ba tiếng, còn khi báo canh thì tùy theo canh giờ tuần tự mà đánh. Tại phòng phương trượng, Khố ty, liêu Thủ tọa và các liêu của đại chúng đều có loại bản nhỏ. Bản này, khi khai tỉnh (đánh thức chúng) thì đánh một hồi dài, khi thông báo cho đại chúng thì đánh ba tiếng. Các liêu của tăng chúng đều có hai loại bản, bản để trong liêu và bản đặt ngoài liêu. Bản đặt ngoài liêu, hằng ngày khi đại chúng vấn an nhau, đánh ba tiếng; khi đại chúng vào Thiền đường, ngồi thiền, tham vấn đều tuần tự đánh ba tiếng; còn lúc đãi trà nước thì đánh một hồi dài. Bản để trong liêu dùng khi quai đáp, lúc đại chúng trở về liêu phòng, đánh ba tiếng; lúc đem ly tách ra để uống trà nước đánh hai tiếng; lúc thu dọn ly tách đánh một tiếng; lúc kết thúc tiệc trà nước đánh ba tiếng; còn khi đãi nước đơn sơ thì đánh một hồi dài.

*

* *

木魚

[1156a02] 齋粥二時長擊二通。普請僧眾長擊一通。普請請行者二通。

[1156a04] 相傳云。魚晝夜常醒。刻木象形擊之。所以警昏惰也。

MỘC NGƯ

[1156a02] Trai chúc nhị thời trường kích nhị thông; phổ thỉnh tăng chúng trường kích nhất thông; phổ thỉnh thỉnh hành giả nhị thông.

[1156a04] Tương truyền vân: “Ngư trú dạ thường tỉnh, khắc mộc tượng hình kích chi, sở dĩ cảnh hôn noạ dã.”

MỠ

[1156a02] Loại mỗ này dùng vào các dịp: hai bữa cơm cháo, đánh hai hồi dài; đợi khi tập hợp tăng chúng để lao động tập thể, đánh một hồi dài; khi triệu tập các hành giả (người làm các tạp sự), đánh hai hồi.

[1156a04] Có truyền thuyết cho rằng loài cá đêm ngày thường tỉnh thức, cho nên khắc hình cá vào cây chày gỗ để đánh thì sẽ cảnh tỉnh được sự hôn trầm và lười biếng.

*

* *

椎

[1156a07] 齋粥[1]二時。僧堂內開鉢。念佛唱食遍食。施財白眾皆鳴之。維那主之。下堂時聖僧侍者鳴之。知事告退時。請知事時亦鳴之。住持

入院開堂將說法時。諸山上首鳴之。謂之白椎也。

[1156a11] 世尊一日陞座大眾集定。文殊白椎。云諦觀法王法。法王法如是。世尊便下座。

CHUY

[1156a07] Trai chúc nhị thời, Tăng đường nội khai bát, niệm Phật xướng thực biến thực, thí tài bạch chúng giai minh chi, Duy-na chủ chi; hạ đường thời Thánh tăng thị giả minh chi. Tri sự cáo thoái thời, thỉnh tri sự thời diệc minh chi. Trụ trì nhập viện khai đường tương thuyết pháp thời, chư sơn Thượng thủ minh chi. Vị chi bạch chùy đã.

[1156a11] Thế Tôn nhất nhật thăng tòa đại chúng tập định, Văn Thù bạch chùy vân: “Đề quán Pháp vương pháp, Pháp vương pháp như thị.” Thế Tôn tiện hạ tòa.

KIẾN CHUY

[1156a07] Loại Kiền chùy này được sử dụng vào các dịp: Hai thời cơm cháo; lúc mở nắp bát tại tăng đường; lúc dọn thức ăn, mời ăn, niệm Phật, lúc bạch chúng bố thí phẩm vật, đều do Duy-na đánh; còn khi rời khỏi trai đường thì do Thị giả đánh. Và khi Tri sự nghỉ việc hay nhậm chức cũng sử dụng Kiền chùy này. Hoặc lúc Trụ trì nhậm chức, lên tòa thuyết pháp, thì các vị Thượng thủ của các chùa bạn đánh, và được gọi là bạch chùy.

[1156a11] Một hôm, đức Thế Tôn lên pháp tòa, đại chúng vân tập đâu đó ổn định, Bồ-tát Văn Thù bạch chùy rằng: “Hãy quán chiếu cẩn thận pháp yếu của đấng Pháp vương. Pháp yếu của đấng Pháp vương là như vậy (chân thật)”. Thế rồi, đức Thế Tôn liền bước xuống pháp tòa.

*

* *

磬

[1156a14] 大殿早[*]慕住持知事行香時。大眾看誦經呪時。直殿者鳴之唱衣時。維那鳴之。行者披剃時作梵闍黎鳴之。小手磬堂司行者常隨身。遇眾諷誦鳴之。為起止之節。

KHÁNH

[1156a14] Đại diện tảo mộ, Trụ trì Tri sự hành hương thời, đại chúng khán tụng kinh chú thời, trực điện giả minh chi; xướng y thời, Duy-na minh chi; hành giả phi thể thời, tác phạm xà-lê minh chi. Tiểu thủ khánh Đường ty hành giả thường tùy thân, ngô chúng phúng tụng minh chi, vi khởi chỉ chi tiết.

KHÁNH

[1156a14] Khánh lớn do Trực điện đánh khi Trụ trì, Tri sự thấp hương vào hai buổi sớm, tối tại chánh điện, còn khi làm lễ xướng y thì do Duy-na đánh. Lúc hành giả cạo tóc xuất gia thì vị xà-lê đọc bằng tiếng Phạn đánh.

Còn chiếc khánh nhỏ thì Đường ty hành giả thường đem theo bên mình, hễ khi nào gặp tăng chúng tụng kinh thì đánh lên, vì đây là công cụ dùng làm hiệu lệnh cho việc khởi đầu và kết thúc các buổi lễ.

鐺鈸

[1156a19] 凡維那揖住持兩序。出班上香時。藏殿祝贊轉輪時。行者鳴之。遇迎引送亡時。行者披剃。大眾行道。接新住持入院時。皆鳴之。

NAO BẠT

[1156a19] Phàm Duy-na áp Trụ trì, Lương tự xuất ban thượng hương thời, Tạng điện chúc tán chuyển luân thời, hành giả minh chi. Ngô nghênh dẫn tống vong thời, hành giả phi thể, đại chúng hành đạo, tiếp tân Trụ trì nhập viện thời, giai minh chi.

CHẬP CHỖA

[1156a19] Khi Duy-na vái chào mời Trụ trì, Lương tự rời vị trí đến thắp hương trước điện Phật, hoặc khi chuyển pháp luân, chúc tán tại tạng điện đều sử dụng đến chập chõa và do hành giả đảm trách. Khi tiếp dẫn vong linh, khi cạo tóc cho hành giả xuất gia, lúc tăng chúng hành đạo, đón tiếp Trụ trì mới đến nhậm chức tại Thiền viện đều đánh chập chõa.

*

* *

鼓 法鼓

[1156a23] 凡住持上堂。小參普說入室。並擊之。擊鼓之法上堂時三通(先輕敲鼓磔二下。然後重千徐徐擊之。使其緊慢相參。輕重相應。音聲和暢。起復連環隱隱轟轟若春雷之震整。第一通延聲長擊。少歇轉第二通。連聲稍促更不歇聲。就轉第三通一向纏聲擊之候。住持登座畢方歇聲。雙椎連打三下)小參一通。普說五下。入室三下皆當緩擊。

茶鼓

[1156a27] 長擊一通。侍司主之。

齋鼓

[1156a28] 三通。如上堂時。但節會稍促而已。

普請鼓

[1156a29] 長擊一通。

更鼓

[1156a29] 早晚平擊三通。餘隨更次擊。庫司主之。

浴鼓

[1156b01] 四通次第候眾擊(其詳見知浴章)知浴主之。

[1156b02] 已上宜各有常度。毋令失准。若新住持入院。諸法器一齊俱鳴。

[1156b04] 金光明經云。信相菩薩夜夢金鼓。其狀殊大其明普照。喻如日光。光中得見十方諸佛眾寶樹下坐琉璃座。百千眷屬圍繞而為說法。一人似婆羅門。以杓擊鼓出大音聲。其聲演說懺悔

偈頌。信相菩薩從夢寤已。至於佛所。以其夢中所見金鼓及懺悔傷。向如來說。又楞嚴經云。阿難。汝更聽此祇陀園中食辦擊鼓眾集撞鐘。鐘鼓音聲前後相續。於意云何。此等為是聲來耳邊。耳往聲處。

[1156b14] 法器章(終)

CỔ – PHÁP CỔ

[1156a23] Phàm Trụ trì thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất tịnh kích chi. Kích cổ chi pháp thượng đường thời tam thông (tiên khinh xao cổ tãng tam hạ, nhiên hậu trùng thủ từ từ kích chi, sử kỳ khản mạn tương tham, khinh trọng tương ứng, âm thanh hoà sảng, khởi phục liên hoàn, âm âm oanh oanh nhược xuân lôi chi chấn thích. Đệ nhất thông diên thanh trường kích, thiếu hiết chuyển đệ nhị thông, liên thanh sảo xúc cánh bất hiết thanh. Trụ chuyển đệ tam thông nhất hướng triền thanh kích chi, hậu Trụ trì đặng tọa tất, phương hiết thanh, song chuy liên đả tam hạ). Tiểu tham nhất thông; phổ thuyết ngũ hạ; nhập thất tam hạ, giai đương hoãn kích.

Trà cổ

[1156a27] Trường kích nhất thông, Thị ty chủ chi.

Trai cổ

[1156a28] Tam thông, như thượng đường thời, đàn tiết hội sảo xúc nhi dĩ.

Phổ thỉnh cổ

[1156a29] Trường kích nhất thông.

Canh cổ

[1156a29] Tảo văn bình kích tam thông. Dư tùy canh thứ kích, Khố ty chủ chi.

Dục cổ

[1156b01] Tứ thông thứ đệ hậu chúng kích (kỳ tường kiến tri dục chương), Tri dục chủ chi.

[1156b02] Dĩ thượng nghi các hữu thường độ, vô linh thất chuẩn. Nhược tân Trụ trì nhập viện, chư pháp khí nhất tề cầu minh.

[1156b04] Kim quang minh kinh vân: “Tín Tướng Bồ-tát dạ mộng kim cô, kỳ trạng xu đại, kỳ minh phổ chiếu, dụ như nhật quang. Quang trung đặc kiến thập phương chư Phật chúng bảo thụ hạ toạ lưu ly tòa, bách thiên quyển thuộc vi nhiều nhi vi thuyết pháp. Nhất nhân tự bà-la-môn, dĩ phu kích cổ, xuất đại âm thanh, kỳ thanh diễn thuyết sám hồi kệ tụng. Tín Tướng Bồ-tát từng mộng ngụ dĩ, chí ư Phật sở, dĩ kỳ mộng trung sở kiến kim cô cập sám hồi kệ, hướng Như Lai thuyết.” Hựu Lăng nghiêm kinh vân: “A-nan, nhữ canh thính thử Kỳ-đà viên trung thực biện, kích cổ, chúng tập, chàng chung, chung cổ âm thanh tiền hậu tương tục. Ư ý vân hà? Thử đẳng vi thị thanh lai nhĩ biên, nhĩ vãng thanh xứ?”

[1156b14] Pháp khí chương chung.

CÁC LOẠI TRỐNG

Trống dùng khi tiến hành các pháp sự

[1156a23] Khi Trụ trì lên tòa thuyết pháp, lúc tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất đều đánh trống này. Cách đánh trống: lúc thượng đường đánh ba hồi, trước hết nhịp nhẹ nhẹ vào thành trống ba cái, rồi

mới từ từ đánh mạnh tay khiến cho tiết tấu nhanh chậm thích hợp, sự trầm bổng tương ứng, âm thanh điều hòa, tiếp nối liên tục, vang vang rền rền, giống như tiếng sấm động mùa xuân. Hồi thứ nhất, tiếng trống chậm rãi kéo dài, nghỉ một lát rồi đánh hồi thứ hai, tiếng trống liên tục, hơi nhanh và không cho gián đoạn, kể đến đánh hồi thứ ba, âm thanh cuộn vào nhau; thế rồi, chờ cho Trụ trì lên pháp tòa ổn định mới kết thúc bằng cách chập hai dùi lại đánh ba tiếng cuối cùng. Còn như lúc tiểu tham thì đánh một hồi, lúc phổ thuyết thì đánh năm tiếng, khi nhập thất thì đánh ba tiếng, và đều đánh một cách chậm rãi.

Trống đánh khi uống trà

[1156a27] Trống này do thị giả đánh, và đánh một hồi dài.

Trống đánh lúc thọ trai

[1156a28] Trống này đánh ba hồi khi đến trai đường, vào dịp lễ đầu tháng, và đánh hơi nhanh một chút.

Trống đánh lúc tập hợp đại chúng lao động

[1156a29] Đánh một hồi dài.

Trống đánh vào các canh giờ

[1156a29] Các tự viện thường vào buổi sáng sớm và buổi tối đánh ba hồi trống này một cách khoan thai. Ngoài ra, tùy nghi có thể đánh vào các canh giờ, và do Đô tự đảm trách.

Trống đánh báo hiệu giờ đi tắm

[1156b01] Trống này được đánh bốn hồi báo hiệu giờ đi tắm của chúng tăng (xem đầy đủ chương Tri dục) và do vị Tri dục đánh.

[1156b02] Các loại pháp khí kể trên phải sử dụng đúng quy định, thông thường không được dùng sai cách thức. Khi vị tân Trụ trì đến nhậm chức tại tự viện thì các pháp khí đều đồng loạt đánh lên.

[1156b04] Kinh Kim quang minh nói: “Bồ-tát Tín Tướng đêm nằm mộng thấy chiếc trống bằng vàng có hình dáng to lớn đẹp đẽ, ánh sáng tỏa chiếu giống như ánh sáng mặt trời. Trong ánh sáng ấy, Bồ-tát thấy mười phương chư Phật đang ngồi trên các tòa lưu ly trong rừng cây báu thuyết pháp cho hàng trăm nghìn quyến thuộc đang ngồi xung quanh. Có một người giống như Bà-la-môn cầm chiếc dùi đánh trống, khiến trống phát ra tiếng kêu vang rền, tiếng ấy tuyên thuyết một bài kệ sám hối. Sau khi tỉnh mộng, Bồ-tát Tín Tướng đi đến chỗ đức Phật, thuật lại cho đức Như Lai những gì mình đã nghe, thấy trong giấc mộng như chiếc trống bằng vàng và bài kệ sám hối”.

Kinh Lăng nghiêm cũng kể rằng: “Phật bảo tôn giả Anan: Như ông đã nghe trong vườn Kỳ-đà này khi cơm đã dọn xong, trống được đánh lên, tăng chúng vân tập, tiếp theo là chuông đánh, khiến tiếng chuông trống trước sau liên tục. Ông nghĩ thế nào? Đó là âm thanh nhập vào hai tai, hay hai tai tiếp thu âm thanh?”

[1156b14] **Chương Pháp khí hết.**

PHỤ LỤC

Phần phụ lục sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui có 7 bài minh tựa như sau:

1. *Bài minh khắc trên tháp cổ Thiền sư Hoài Hải, núi Bách Trượng, Hồng Châu, đời Đường (Trần Hử soạn)*
2. *Bài ký gác thiên hạ sư biểu, chùa Đại Trí Thọ Thánh, núi Bách Trượng*
3. *Bài nguyên tựa sách Bách Trượng thanh qui (Dương Úc soạn)*
4. *Bài tựa Thanh qui đời Sùng Ninh*
5. *Bài tựa Thanh qui đời Hàm Thuần;*
6. *Bài tựa Thanh qui đời Chí Đại;*
7. *Bài tựa của Sắc tu Bách Trượng thanh qui*

Vì thấy nội dung có phần giống nhau, nên chúng tôi chỉ dịch bốn bài tiêu biểu, đó là các bài 1, 2, 3 và 7.

*

* *

唐洪州百丈山故懷海禪師塔銘(并序)
將仕郎守殿中侍御史陳翹撰
守信州司戶參軍員外置同正員武翊黃書

[1156b22] 星纏斗次山形鷲立。桑門上首曰懷海禪師。室於斯塔於斯。付大法於斯。其門弟子懼陵谷遷貿日時失紀。託於儒者銘以表之。西方教行于中國。以彼之六度視我之五常。遏惡遷善殊途同轍。唯禪那一宗度越生死。大智慧者方得之。自鷄足達于曹溪。紀牒詳矣。曹溪傳衡嶽觀音臺懷讓和上觀音傳江西道一和上。詔謚為大寂禪師。大寂傳大師。中土相承凡九代矣。大師太原王氏福州長樂縣人。遠祖以永嘉喪亂徙于閩隅。大師以大事因緣生於像季。託孕而薰羶自去。將誕而神異聿來。成童而靈聖表識。非夫宿植德本。曷以臻此。落髮於西山慧照和[4]尚。進具於衡山法朝律師。既而歎曰。將滌妄源必遊法海。

豈[5]惟必證。亦假言詮。遂詣廬江閱浮槎經藏。不窺庭宇者積年。既師大寂盡得心印言簡理精貌和神峻。睹即生敬居常自卑。善不近名。故先師碑文獨晦其稱號。行同於眾。故門人力役必等其艱勞。怨親兩忘故。棄遺舊里賢愚一貫故普授來學。常以三身無住萬行皆空。邪正並捐源流齊泯。用此教旨作人表式。前佛所說斯為頓門。大寂之徒多諸龍象。或名聞萬乘入依京輦。或化洽一方。各安郡國。唯大師好尚幽隱。棲止雲松。遺名而德稱益高。獨往而學徒彌盛。其有遍探講肆歷抵禪關。滯著未祛空有猶闕。靡不緘藏。萬里取決一言。疑網雲張智刃冰斷。由是齊魯燕代荆吳閩蜀望影星奔。聆聲颺至。當其饑渴快得安隱。超然懸解時有其人。大師初居石門依大寂之塔。次補師位。重宣上法。後以眾所歸集意在遐深。百丈山碣立一隅。人煙四絕。將欲卜築必俟檀那。伊蒲塞游暢甘貞請施家山。願為鄉導。庵廬環遶。供施苕積眾又踰於石門。然以地靈境遠頗有終焉之志。元和九年正月十七日。證滅於禪床報齡六十六。僧臘四十七。以其年四月二十二日。奉全身窆于西峯。據婆沙論文。用淨行婆羅門葬法遵遺旨也。先時白光去室金錫鳴空。靈溪方春而涸流。杉燎竟夕以通照。妙德潛感于何不有。門人法正等嘗所稟奉皆得調柔。遞相發揮不墜付囑。他年紹續自當流布。門人談敘永懷師恩

光崇塔宇。封土累石力竭心瘁。門人神行梵雲結集微言纂成語本。凡今學者不踐門闕。奉以為師法焉。初閩越靈藹律師。一川教宗三學歸仰。嘗以佛性有無響風發問。大師寓書以釋之。今與語本並流于後學。詔從事于江西府。備嘗大師之法味。故不讓眾多之託。其文曰梵雄設教有權有實。未得頓門。皆為暗室。祖師戾止方傳祕密。如彼重昏忽懸白日(其一)唯此大士弘紹正宗。雖修妙行不住真空。無假方便。豈俟磨礱。恬然返本萬境圓通(其二)百千人眾盡祛病熱。彼皆有得我實無說。心本不生形同示滅。此土灰燼他方水月(其三)法傳人代塔閉山原。杉松日暗[1]寺塔猶存。藹藹學徒無非及門。唯能覺照是報師恩(其四)元和十三年十月三日建。

[1157a20] 碑側大眾同記五事。至今猶存。可為鑑戒。并錄[2]于左 大師遷化後未請院主。日眾議釐革山門。久遠事宜都五件。一塔院常請一大僧。及令一沙彌灑掃 一地界內不得置尼臺尼墳塔。及容俗人居止 一應有依止及童行出家。悉令依院主一人。僧眾並不得各受 一臺外及諸處不得置莊園田地 一住山徒眾不得內外私置錢穀 欲清其流在澄其本後來紹續永願尊崇 立碑日大眾同記。

**ĐƯỜNG HỒNG CHÂU BÁCH TRƯỞNG SƠN CỐ HOÀI HẢI THIÊN SƯ THÁP
MINH (TỊNH TỰ)**

**TƯỚNG SỸ LANG THỦ ĐIỆN TRUNG THỊ NGỰ SỬ TRẦN HỦ SOẠN
THỦ TÍN CHÂU TY HỘ THAM QUÂN VIÊN NGOẠI TRÍ ĐỒNG CHÁNH VIÊN
VŨ DỰC HOÀNG THỨ**

[1156b22] Tinh triền đầu thứ, sơn hình Thứu lập. Tang môn thượng thủ viết Hoài Hải thiên sư, thất u tư, tháp u tư, phó đại pháp u tư. Kỳ môn đệ tử cụ lăng cốc thiên mậu, nhật thời thất kỷ, thác u nho giả minh dĩ biểu chi. Tây phương giáo hành vu Trung Quốc, dĩ bí chi lục độ thị ngã chi ngũ thường, át ác thiên thiên thù đồ đồng triệt. Duy thiên-na nhất tôn độ việt sanh tử, đại trí tuệ giả phương đắc chi. Tự Kê Túc đạt vu Tào Khê, kỉ điệp tường hĩ. Tào Khê truyền Hành Nhạc Quán Âm đài Hoài Nhượng Hoà thượng, Quán Âm truyền Giang Tây Đạo Nhất Hoà thượng. Chiếu thuy vi Đại Tịch thiên sư. Đại Tịch truyền Đại sư, trung thổ tương thừa phạm cử đại hĩ. Đại sư Thái Nguyên Vương thị, Phước Châu Trường Lạc huyện nhân. Viễn tổ dĩ Vĩnh Gia táng loạn tử vu Mân Ngung. Đại sư dĩ đại sự nhân duyên sinh u tượng quý. Thác dựng nhi huân thiên tự khứ; tương dẫn nhi thần dị duật lai; thành đồng nhi linh thánh biểu thức, phi phù túc thực đức bốn, hạt dĩ trần thủ. Lạc phát u Tây sơn Tuệ Chiếu Hoà thượng; tiến cụ u Hành sơn Pháp Triều luật sư. Ký nhi thán viết: tương địch vọng nguyên tất du pháp hải, khởi duy tất chứng, diệc giả ngôn thuyên. Toại nghệ Lu Giang duyệt phù

tra kinh tạng, bất khuy đình vũ giả tích niên. Kí sư Đại Tịch, tận đắc tâm ấn, ngôn giản lí tinh, mạo hoà thần tuấn, đồ tức sinh kính, cư thường tự ti, thiện bất cận danh. Cố tiên sư bi văn độc hồi kỳ xung hiệu. Hành đồng ư chúng, cố môn nhân lực dịch tất đặng kỳ gian lao; oán thân lưỡng vong, cố khí di cựu lí; hiền ngu nhất quán cố phổ thụ lai học. Thường dĩ tam thân vô trụ, vạn hạnh giai không, tà chánh tịnh quyên nguyên lưu tề mãn. Dụng thử giáo chỉ tác nhân biểu thức. Tiên Phật sở thuyết tư vị đốn môn. Đại Tịch chi đồ đa chư long tượng. Hoặc danh văn vạn thừa nhập y kinh liễn, hoặc hoá hiệp nhất phương, các an quận quốc. Duy đại sư hiệu thượng u ấn, thể chỉ vân tùng. Di danh nhi đức xung ích cao, độc vãng nhi học đồ di thịnh. Kỳ hữu biến tham giảng tứ lịch để thiên quan, trệ trước vị khư, không hữu do ngại, mỹ bất giam tàng. Vạn lí thủ quyết nhất ngôn, nghi võng vân trương trí nhận vĩnh đoạn. Do thị Tề Lỗ Yên Đại Kinh Ngô Môn Thực vọng ảnh tinh bôn, linh thanh tiêu chí, đương kỳ cơ khát khoái đắc an ấn. Siêu nhiên huyền giải thời hữu kỳ nhân. Đại sư sơ cư Thạch Môn y Đại Tịch chi tháp, thứ bổ sư vị, trùng tuyên thượng pháp. Hậu dĩ chúng sở qui tập ý tại hà thâm. Bách Trượng sơn kiệt lập nhất ngưng, nhân yên tứ tuyệt. Tương dục bốc trúc tất sĩ đàn na. Y bồ tác du sớng Cam Trinh thỉnh thí gia sơn, nguyện vi hướng đạo, am lư hoàn nhiều, cung thí nhậm tích, chúng hựu du ư thạch môn. Nhiên dĩ địa linh cảnh viễn phả hữu chung yên chi chí. Nguyên Hoà cửu niên chánh nguyệt thập thất nhật chứng diệt ư thiên

sàng, báo linh lục thập lục, tăng lạp tứ thập thất. Dĩ kỳ niên tứ nguyệt nhị thập nhị nhật, phụng toàn thân biếm vu Tây phong, cứ bà-sa luận văn, dụng tịnh hạnh Bà-la-môn táng pháp tuân di chỉ dã. Tiên thời bạch quang khứ thất, kim tích minh không, linh khê phương xuân nhi hạt lưu, sam liệu cánh tịch dĩ thông chiếu, diệu đức tiềm cảm vu hà bất hữu. Môn nhân Pháp Chánh đẳng thường sở bảm phụng giai đắc điều nhu, đệ tương phát huy bất truy phó chúc, tha niên thiệu tục tự đương lưu bố. Môn nhân Đàm Tự vĩnh hoài sư ân quang sùng tháp vũ, phong thổ luy thạch lục kiệt tâm tuy . Môn nhân Thần Hạnh Phạm Vân kết tập vi ngôn toàn thành ngữ bốn. Phàm kim học giả bất tiền môn quắc, phụng dĩ vi sư pháp yên. Sơ Mân Việt Linh Ái luật sư, nhất xuyên giáo tông, tam học qui ngưỡng, thường dĩ Phật tính hữu vô hưởng phong phát vấn. Đại sư ngụ thư dĩ thích chi, kim dữ ngữ bốn tịnh lưu vu hậu học. Hủ tòng sự vu Giang Tây phủ, bị thường đại sư chi pháp vị, cố bất nhượng chúng đa chi thác, kỳ văn viết:

Phạm hùng thiết giáo
Hữu quyền hữu thật,
Vị đắc đốn môn
Giai vị ám thất.
Tổ sư lệ chi
Phương truyền bí mật.
Như bí trùng hôn
Hốt huyền bạch nhật (kỳ nhất)

Duy thử đại sĩ
Hoàng thiệu chánh tông.
Tuy tu diệu hạnh
Bất trụ chân không.
Vô giả phương tiện.
Khởi sĩ ma lung.
Điềm nhiên phản bản
Vạn cảnh viên thông (kỳ nhị)

Bách thiên nhân chúng
Tận khư bệnh nhiệt.
Bỉ giai hữu đắc
Ngã thật vô thuyết.
Tâm bản bất sanh
Hình đồng thị diệt.
Thử thổ hồi tẫn
Tha phương thuỷ nguyệt (kỳ tam)

Pháp truyền nhân đại
Tháp bế sơn nguyên.
Sam tùng nhật ám
Tự tháp do tồn.
Ái ái học đồ
Vô phi cập môn.
Duy năng giác chiếu
Thị báo sư ân (kỳ tứ)

Nguyên hoà thập tam niên thập nguyệt tam nhật kiến.
Bỉ trắc đại chúng đồng kí ngũ sự, chí kim do tồn, khả
vị giám giới, tinh lục vu tả. Đại sư thiên hoá hậu, vị
thỉnh viện chủ nhật, chúng nghị li cách sơn môn, cửu

viễn sự nghi đô ngũ kiện: Nhất tháp viện thường
thỉnh nhất đại tăng, cập linh nhất sa di sái tảo. Nhất
địa giới nội bất đắc trí Ni đài Ni phân tháp, cập dung
tục nhân gia cư chi. Nhất ung hữu y chỉ cập đồng
hành xuất gia, tất linh y viện chủ nhất nhân, Tăng
chúng tịnh bất đắc các thụ. Nhất đài ngoại cập chư xứ
bất đắc trí trang viên điền địa. Nhất trú sơn đồ chúng
bất đắc nội ngoại tư trí tiền cốc.

Dục thanh kỳ lưu tại trùng kỳ bốn, hậu lai thiệu tục
vĩnh nguyện tuân sùng.

Lập bi nhật đại chúng đồng ký.

BÀI MINH KHẮC TRÊN THÁP CỔ THIÊN SƯ HOÀI HẢI, NÚI
BÁCH TRƯỢNG, HỒNG CHÂU, ĐỒI ĐƯỜNG

TƯỚNG SĨ LANG THỦ ĐIỆN TRUNG THỊ NGỰ SỬ TRẦN HỮ SOẠN
THỦ TÍN CHÂU TY HỘ THAM QUÂN VIÊN NGOẠI TRÍ ĐỒNG
CHÁNH VIÊN VÕ DỤC HOÀNG VIẾT CHỮ

*[1156b22] Tinh đầu vẫn xoay, núi non hiểm trở như
ngọn Linh Thứu. Bậc Thượng thủ trong hàng sa-môn
là Thiên sư Hoài Hải, lập am thất nơi đây, xây bảo
tháp nơi đây và trao truyền đại pháp cũng tại đây.
Các đệ tử của tông môn e bảo tháp bị di dịch, thời
gian lâu không được ghi chép nên nhờ nhà Nho soạn
bài minh để nêu rõ sự tích. Giáo pháp của phương
Tây (Ấn Độ) truyền sang Trung Quốc, thì Lục độ của
Phật giáo được xem như Ngũ thường của Trung Hoa
ta, cải ác theo thiện, khác đường mà cùng về một
nẻo. Chỉ duy nhất Thiên tông là độ khởi sinh tử, và*

chỉ có bậc đại trí tuệ mới đạt được. Từ Kế Túc (chỉ Tổ Ca-diếp) cho đến Tào Khê (tổ Huệ Năng) thì sự truyền thừa đều được ghi chép tường tận. Tào Khê truyền cho Hòa thượng Hoài Nhượng ở Quan Âm đài Hành Nhạc. Hoài Nhượng truyền cho Hòa thượng Đạo Nhất ở Giang Tây. Đạo Nhất sau khi viên tịch được ban thụy hiệu là Thiên sư Đại Tịch. Đại Tịch truyền cho Đại sư (Hoài Hải). Thế rồi thầy trò trao truyền cho nhau trải qua chín đời tại cõi Đông độ (Trung Hoa). Đại sư họ Vương, người huyện Trường Lạc, Phúc Châu, Thái Nguyên. Vào khoảng năm Vĩnh Gia bị giặc giã loạn lạc, viễn tổ của Sư di cư sang đất Mân Ngung. Vì nhân duyên lớn lao, Đại sư sinh ra đời vào thời kỳ cuối của tượng pháp. Khi Sư vào bào thai thì mùi hôi tanh tan biến; lúc sắp chào đời thì sự thân dị hiển hiện; tuổi còn ấu thơ mà điều linh Thánh đã bộc lộ. Nếu chẳng do vun bồi cội gốc phước đức từ đời trước thì làm sao có được những điềm hiệu linh ứng như vậy. Sư xuống tóc xuất gia với Hòa thượng Tuệ Chiếu ở Tây Sơn, thọ giới cụ túc với Luật sư Pháp Triêu ở Hành Sơn. (Nghĩ đến đạo nghiệp tương lai) Sư than rằng: “Muốn rửa sạch nguồn mê vọng phải bơi qua biển pháp; quyết định ngày chứng ngộ cần nương nhờ những lời chỉ dạy. Thế rồi, Sư đi đến Lô Giang, đóng cửa đọc Đại tạng Kinh suốt mấy năm không ra khỏi phòng. Sư thờ thiên sư Đại Tịch (Đạo Nhất) làm thầy, đạt được tâm ấn rốt ráo, khiến lời nói giản dị mà nghĩa lý sâu xa, diện mạo hòa nhã mà thần thái sáng suốt, hễ ai thấy Sư đều đem lòng cung kính. Sư thường cư xử khiêm

tôn, khéo léo khước từ danh tiếng. Vì thế mà văn bia của Tiên sư giấu bớt lời ca tụng. Sư lao động giống như đại chúng, cho nên môn nhân ai nấy dốc sức làm việc hết lòng. Kẻ oán người thân đều quên, nên không để ý đến chuyện cũ. Kẻ hiền người ngu đều đối xử như nhau, nên tiếp độ được nhiều người đến tham học. Sư thường dạy rằng ba thân không đình trụ, vạn hạnh đều trống không; tà chánh đều vứt bỏ, nguồn dòng thấy cạn khô. Dùng giáo chỉ này làm khuôn thước cho người. Những điều Phật dạy xưa kia chính là pháp môn đốn ngộ hiện nay. Đồ chúng của Thiên sư Đại Tịch phần nhiều là các bậc long tượng. Có người đạt đến danh vọng vạn thừa, ra vào cung cấm; có kẻ giáo hóa một phương, làm cho quốc gia ổn định. Chỉ có Đại sư là ưa thích cuộc sống ẩn dật, ở chốn mây ngàn, ẩn danh mà đức độ được mọi người xưng tụng, sống một mình mà đồ chúng càng thêm hưng thịnh. Nếu có người đi khắp nơi tham cứu các trường giảng, gõ cửa các Thiên sư, mà sự chấp trước chưa tiêu, việc có-không còn vướng mắc, thì các bệnh ấy cũng được phong tỏa. Hoặc có kẻ đi xa nghìn dặm để tìm một lời quyết định, khi lưới nghi trương ra liền bị nhát dao trí tuệ chặt đứt vĩnh viễn. Vì vậy mà các nơi như Tê Lô Yên Đại Kinh Ngô Môn Thực nghe thanh danh và ảnh hưởng của Sư đều bốn ba tìm đến. Và khi được Sư tiếp độ thì họ chẳng khác gì kẻ đang đói khát mà được an ổn lập tức. Quả thật có một bậc huyền giải siêu việt vào thời đại ấy. Lúc đầu, Sư ở bên tháp của Đại Tịch tại Thạch Môn, sau đó trùng tuyên giáo pháp làm rạng rỡ cho thầy. Về

sau, tăng chúng quy tụ đông đúc, Sư nghĩ đến đạo nghiệp lâu dài, muốn kiến tạo một ngôi tùng lâm tại núi Bách Trượng, nhưng nơi đây bốn bề vắng bật bóng người; nếu muốn xây dựng tự viện thì phải đợi đàn na phát tâm; và thời cơ lại đến, bấy giờ có Ưu-bà-tắc Cam Trinh đang du ngoạn, phát tâm đem đôi đất của nhà mình cúng dường cho Sư, mong được Sư thân cận dắt dẫn. Thế rồi, am thất được xây dựng san sát, các thức ẩm thực được Thí chủ mang đến cúng dường, đồ chúng còn đông đúc hơn cả Thạch Môn. Vì thấy nơi này địa linh, cảnh trí cách xa phồn hoa, nên ý muốn gửi năm xương tàn nơi đây. Vào ngày mười bảy tháng giêng, năm Nguyên Hòa thứ chín, Sư an tọa trên giường Thiền viên tịch, hưởng thọ 66 tuổi, và 47 tăng lạp. Đến ngày 22 tháng Tư cùng năm, đồ chúng rước nhục thân của Sư lên an trí trên ngọn Tây phong. Đó là theo di chúc của Sư phải an táng như một Bà-la-môn tịnh hạnh mà luận Tỳ-bà-sa đã mô tả. Sau khi nhục thân Sư đã nhập tháp, người ta thấy bạch quang xông lên từ tịnh thất của Sư, và tiếng tích trượng khua vang trên không, nước khe đang mùa xuân mà khô cạn, còn gỗ thông thì cháy sáng suốt đêm, diệu đức âm thầm cảm ứng không nơi nào là chẳng có. Môn nhân Pháp Chánh cùng các huynh đệ thường phụng thờ Sư rất là chu đáo, và tuân tự nhau phát triển tông môn không dám quên lời di chúc, trải qua năm tháng tiếp tục lưu truyền không dứt. Môn nhân Đàm Tự nhớ mãi ơn thầy, ra sức dựng xây điện đường bảo tháp, lấp thêm đất chất thêm đá hết lòng dốc sức không kể ốm đau. Môn nhân Thần

Hạnh, Phạm Vân kết tập những lời Sư dạy biên soạn thành ngữ lục. Ngày nay, các học giả không bị vấp vấp khi hành xử là nhờ tuân thủ những phép tắc của Sư. Xưa kia Luật sư Linh Ái người đất Mân Việt vốn là bậc lãnh tụ tôn giáo một miền, các học giả tam giáo đều quy ngưỡng thường đem câu hỏi “Phật tính có hay không” đến chất vấn Sư, Đại sư đã viết thư phúc đáp giải thích rõ ràng mà ngày nay còn lưu truyền trong ngữ lục cho kẻ hậu học. Trần Hủ tôi khi nhậm chức tại phủ Giang Tây hân hạnh được thưởng thức pháp vị của Sư nên không dám phụ lòng ủy thác của mọi người. xin soạn mấy lời văn như đây:

Bài I: Thế Tôn lập giáo,
Có quyền và thật.
Nếu chưa đốn ngộ,
Thì còn sai trật.
Tổ sư xót thương,
Mới truyền bí mật.
Nhu đêm u ám,
Bỗng hiện vùng Nhật.

Bài II: Đây là Đại sĩ,
Hoằng truyền chánh tông.
Tuy tu diệu hạnh,
Chẳng chấp chân không.
Không nhờ phương tiện,
Mài giữa hoại công.
Điềm nhiên về gốc,
Vạn cảnh dung thông.

Bài III: Hàng trăm ngàn người,
Đều trừ bệnh nhiệt.
Họ đều có đặc,
Ta chẳng tuyên thuyết.
Tâm vốn không sinh,
Hình cũng thị diệt
Tro tàn cõi này,
Phương kia nguyệt hiện.

Bài IV: Pháp truyền người thế,
Tháp ẩn núi non
Tùng bách âm u,
Chùa Tháp vẫn còn
Đồ chúng đông đúc,
Rạng rỡ tông môn.
Chỉ người giác ngộ,
Đích thực báo ân.

Ngày mồng ba tháng 10 năm Nguyên Hoà thứ 13 -
lập bia này.

Bên cạnh bi văn, đại chúng cùng ghi lại năm sự việc đến nay vẫn còn, có thể làm khuôn mẫu để răn bảo người sau. Nguyên sau khi trà tỳ Đại sư, chưa mời viện chủ mới, Tăng chúng họp bàn bạc việc cách tân sơn môn, cuối cùng nhất trí đúc kết thành năm điều như sau:

1. Phải mời một vị Đại tăng quản lý tháp viện và sai một Sa-di lo quét dọn.
2. Trong khuôn viên Chùa Tháp không cho xây dựng Ni tự và Tháp mộ của Ni chúng, cũng không cho người thế tục cất nhà cư trú.

Quyển 8

3. *Các kẻ đồng chơn xuất gia và người y chỉ, phải nương tựa một vị Viện chủ duy nhất. Tăng chúng không được xây dựng am thất riêng tư.*
4. *Không được khai khẩn vườn tược ruộng đất làm của tư hữu.*
5. *Đồ chúng ở núi này không được cất chứa tiền bạc, thóc lúa riêng tư trong chùa cũng như cất ở chỗ khác.*

Muốn cho dòng nước trong trẻo thì phải làm cho đầu nguồn thanh khiết, để người đời sau tiếp tục kế thừa, vĩnh viễn tuân hành và một dạ tôn sùng.

Ngày lập văn bia, tất cả đại chúng đồng ký tên.

*

* *

百丈山大智壽聖禪寺天下師表閣記

[1157b01] 菩提達磨大師後八葉有大比丘。居洪之百丈山。人稱之曰百丈禪師。

[1157b03] 今天子始命因其舊諡大智覺照者。加以弘宗妙行之號。寺以壽聖名則故額也。山去郡治三百里。其未置寺時。林壑深阻巖徑峭絕。樵蘇之跡所不通。有司馬頭陀者。善為宮宅地形之術。觀其山勢斗拔與夫岡巒首尾之起伏。知為吉壤。所留鈐記有曰。法王居之天下師表。禪師之來式符其言。東陽德輝以禪師十八代孫。嗣住是山。既新作演法之堂。且增創重屋其上。以妥禪師遺像。榜其楹間曰天下師表之閣。云初文宗皇帝入踐天位。即金陵潛邸造寺曰龍翔集慶。詔開山大訢。領其徒而以禪師所制清規。為日用動作威儀之節。顧其書行世已久後人率以臆見互有損益。自為矛盾靡所折衷。輝與訴學同師而柄法於祖庭。大懼夫來者傳疑莫知適從。無以壹諸方之觀聽。爰走京師欲有請而釐正之。今御史大夫撒迪時執法中臺。為言于上。得召

見。有旨令輝譔次舊聞。以授訢使擇習於師說者。共考定而頌行為叢林法。仍如錫禪師以今號。褒顯而風厲焉。輝奉璽書將南還。以閣之成未及見所紀述。諗于潛曰。願敘其構興之端原。歸而刻諸。潛竊觀。遂古聖賢乘時繼作弛張迭用循環不窮。所以通其變也。佛之為教必先戒律。諸部之義小大畢陳。種種開遮唯以一事。去聖逾遠局為專門。名數滋多道日斯隱。是故達磨不階方便直示心源。律相宛然無能留礙。世降俗末誕勝真離。馳騁外緣成邪慢想。是故百丈弘[4]敖軌範輔律而行。調護攝持在事皆理。蓋佛之道以達磨而明。佛之事以百丈而備。通變之妙存乎其人。厥後達磨之傳派別為五。而出於禪師者二。他師所倡殊宗異旨。雖各名其家。至於安處徒眾。未有不取法於禪師者。然則天下師表之言。良可徵不誣也。粵自中土君臣知尊佛法。光昭崇極。莫越於今。輝遭值。

[1157c09] 聖時。蒙被帝力。用克發揚先訓。紹隆宗風。俾與國家相為悠久永永無已。不特今之天下以為師表。盡未來際咸有依承。潛是用謹志之。而於其經度之勤營締之美。有不暇論也。閣為屋以間計者五。其崇百有二十尺。三其崇之一以為其修。三其修以為其廣。以至順元年夏六月庀工。冬十月訖事。實輝住山之明年。而輝入對以元統三年夏五月。命下則其明年春二月也。承直郎國子博士黃潛記。翰林侍制奉議大夫兼國史院編修官揭傒斯書。

翰林侍講學士通奉大夫知制誥同修國史知經筵事張起巖篆。前榮祿大夫御史中丞趙世安光祿大夫江南諸道行御史大夫易釋董阿同立石。

**BÁCH TRƯỞNG SƠN ĐẠI TRÍ THỌ THÁNH THIÊN TỰ
THIÊN HẠ SỬ BIỂU CÁC KỶ**

[1157b01] Bô-đề-đạt-ma đại sư hậu bát diệp hữu đại tử kheo, cư Hồng Châu Bách Trượng sơn, nhân xưng chi viết Bách Trượng thiên sư.

[1157b03] Kim thiên tử thí mệnh nhân kỳ cựu thuy Đại Trí Giác Chiếu giả, gia dĩ Hoàng Tôn Diệu Hạnh chi hiệu, tự dĩ Thọ Thánh danh tắc cố ngạch dã. Sơn khứ quận trị tam bách lý, kỳ vị trí tự thời, lâm hác thâm trở, nham kính tiểu tuyệt, tiêu tô chi tích sở bất thông. Hữu Tư mã đầu đà giả, thiện vi cung trạch địa hình chi thuật, đồ kỳ sơn thế đầu bạt dữ phù cương loan thủ vĩ chi khởi phục, tri vi cát nhượng, sở lưu kiểm kí hữu viết: “Pháp Vương cư chi, thiên hạ sử biểu”. Thiên sư chi lai thức phù kỳ ngôn. Đông Dương Đức Huy dĩ thiên sư thập bát đại tôn, tự trú thị sơn, ký tân tác diễn pháp chi đường, thả tăng sáng trùng ốc kỳ thượng, dĩ thoả thiên sư di tượng, bảng kỳ doanh gian viết “thiên hạ sử biểu chi các vân: sơ Văn Tôn hoàng đế nhập tiền thiên vị, tức Kim Lăng tiềm đế tạo tự viết Long Tường Tập Khánh. Chiếu khai sơn Đại Hân, lãnh kỳ đồ nhi dĩ thiên sư sở chế thanh qui, vi nhật dụng động tác uy nghi chi tiết. Cố kỳ thư hành thế dĩ cửu, hậu nhân suất dĩ ức kiến hồ

410

hữu tôn ích, tự vi mâu thuẫn mỹ sở chiết trung. Huy dữ Hân học đồng sư nhi bính pháp ư tổ đình, đại cụ phù lai giả truyền nghi mạc tri thích tụng, vô dĩ nhất chư phương chi quan thính. Viên tẩu kinh sư dục hữu thỉnh nhi li chánh chi. Kim Ngự sử đại phu Tấn Dịch thời chấp pháp trung đài, vi ngôn vu thượng, đắc triệu kiến. Hữu chỉ lệnh Huy soạn thứ cưu văn, dĩ thụ Hân sử trách tập ư sư thuyết giả, cộng khảo định nhi tụng hành vi tụng lâm pháp. Nhưng Như Tích thiên sư dĩ kim hiệu bao hiển nhi phong lệ yên. Huy phụng tử thư tương nam hoàn, dĩ các chi thành vị cập kiến sở kĩ thuật, thăm vu Tấn viết: “Nguyện tự kỳ cầu hưng chi đoan nguyên quy nhi khắc chư”. Tấn thiết quan, toại cổ thánh hiền thừa thời kế tác thi trương diệt dụng tuần hoàn bất cùng, sở dĩ thông kỳ biến dã. Phật chi vị giáo tất tiên giới luật, chư bộ chi nghĩa tiểu đại tất trần, chủng chủng khai già duy dĩ nhất sự, khứ Thánh du viễn cục vi chuyên môn, danh số tư đa đạo nhật tư ẩn. Thị cố Đạt-ma bất giai phương tiện trực thị tâm nguyên, luật tướng uyên nhiên vô năng lưu ngại, thể giảng tục mật đản thẳng chân li, trì sính ngoại duyên thành tà mạn tướng. Thị cố Bách Trọng hoàng phu quỹ phạm phụ luật nhi hành, điều hộ nhiếp trì tại sự giai lí. Cái Phật chi đạo dĩ Đạt-ma nhi minh. Phật chi sự dĩ Bách Trọng nhi bị, thông biến chi diệu tôn hồ kỳ nhân. Quyết hậu Đạt-ma chi truyền phái biệt vi ngũ, nhi xuất ư thiên sư giả nhị. Tha sư sở xướng thù tôn dị chỉ. Tuy các danh kỳ gia, chí ư an xử đồ chúng, vị hữu bất thủ pháp ư thiên sư giả. Nhiên tắc thiên hạ sư biểu chi ngôn, lương khả trung

bất vu dã. Việt tự trung thổ quân thân tri tôn Phật pháp, quang chiêu sùng cực, mạc việt ư kim. Huy tao trị thánh thời, mông bị đế lực, dụng khắc phát dương tiên huấn, thiệu long tôn phong, tử dữ quốc gia tương vị du cửu vĩnh vĩnh vô dĩ, bất đặc kim chi thiên hạ dĩ vi sự biểu, tận vị lai tế hàm hữu y thừa. Tấn thị dụng cần chí chi, nhi ư kỳ kinh độ chi cần doanh đế chi mỹ, hữu bất hạ luận dã. Các vi ốc dĩ gian kế giả ngũ, kỳ sùng bách hữu nhị thập xích, tam kỳ sùng chi nhất dĩ vi kỳ tu. Tam kỳ tu dĩ vi kỳ quảng. Dĩ Chí Thuận nguyên niên hạ lục nguyệt phi công, đông thập nguyệt ngật sự. Thật Huy trụ sơn chi minh niên, nhi Huy nhập đối dĩ Nguyên Thống tam niên hạ ngũ nguyệt. Mệnh hạ tặc kỳ minh niên xuân nhị nguyệt dã.

Thừa Trực lang quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn kí.

Hàn lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện biên tu quan Yết Hề Tư thư.

Hàn lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử tri kinh diên sự Trương Khởi Nham triện.

Tiền Vinh Lộc đại phu ngự sử trung thừa Triệu Thế An quang lộc đại phu giang nam chư đạo hành ngự sử đại phu Dịch Thích Đông A đồng lập thạch.

BÀI KÝ GÁC THIÊN HẠ SƯ BIỂU, CHÙA THIÊN ĐẠI TRÍ
THỌ THÁNH, NÚI BÁCH TRƯỢNG

[1157b01] *Thế hệ thứ tám của đại sư Bồ-đề-đạt-ma có vị đại Tỳ kheo ở núi Bách Trượng, người đời gọi là Thiên sư Bách Trượng.*

[1157b03] *Thiên tử truyền lệnh rằng nhân vì Thiên sư trước đây đã được ban Thụy hiệu là Đại Trí Giác Chiếu, nay ban thêm hiệu Hoàng Tông Diệu Hạnh, còn tên chùa là Thọ Thánh thì biển ngạch đã có từ trước. Núi này cách quận trị 300 dặm, khi chưa xây chùa thì suối khe hiểm trở, đỉnh núi chót vót, lối đi của tiền phu tất nghẽn. Bấy giờ có Tư Mã đầu đà là người giỏi thuật phong thủy về địa hình cung thất, thấy thế núi cao vút với những ngọn đồi lồi lõm đầu đuôi tiếp ứng nhau, biết đó là nơi địa linh, nên để lại lời huyền ký rằng: “Đây là chỗ đáng Pháp vương cư trú, làm bậc thầy tiêu biểu trong thiên hạ”.*

Về sau, Thiên sư Hoài Hải đến trác tích nơi đó quá phù hợp với lời dự đoán trước kia. Thiên sư Đông Dương Đức Huy là cháu đời thứ 18 của Hoài Hải, kế thừa sự nghiệp Thầy tổ, ở núi này, không những xây cất pháp đường mới, mà còn kiến tạo thêm lầu cao để tôn trí di tượng của Tổ sư. Và tám hoành treo trên nhà đề là: “Gác của bậc Thầy tiêu biểu trong thiên hạ (thiên hạ sư biểu chi các)”. Trong đây có ghi lại: Lúc Văn Tông hoàng đế mới lên ngôi, âm thầm xây chùa tại Kim Lăng đặt tên là Long Tường Tập Khánh, truyền lệnh cho vị khai sơn chùa là Đại Hân quản lý

đồ chúng, và dùng Thanh quy do Tổ sư chế định làm quy củ cho những oai nghi hành xử hằng ngày của tăng chúng. Nhưng vì bộ Thanh quy này ra đời đã lâu (hiện tại không còn), người đời sau chỉ ước đoán rồi tự ý thêm bớt, khiến cho đôi chỗ mâu thuẫn không được chiết trung thỏa đáng. Đức Huy và Đại Hân cùng học một thầy và cùng nắm cương lĩnh của tổ đình e rằng những kẻ mới đến đem truyền những điều nghi hoặc mà không biết thế nào là thích hợp khiến cho mâu thuẫn với sự nghe thấy của các sơn môn, nên quyết tâm lặn lội đến Kinh sư để tìm người hiệu chỉnh những sai lầm. Lúc ấy quan Ngự sử đại phu Tát Địch đang làm chấp pháp trung đài, Huy bèn nhờ ông tâu lên vua, và được vua mời vào yết kiến. Vua bèn truyền lệnh cho Huy soạn những gì đã được nghe trước đây, rồi trao cho Đại Hân, khiến Đại Hân chọn lựa những điều Tổ sư để lại, hiệu khảo ổn định, soạn thành Thanh quy dùng làm phép tắc cho Tùng lâm. Vua còn phong tặng sư hiệu Như Tích thiên sư, hết lời khen ngợi và khích lệ rất vẻ vang.

Đức Huy phụng sắc lệnh được đóng ấn của vua, trở về lại chùa, thì căn gác đã xây cất hoàn thành nhưng chưa kịp ghi chép sự tích. Ông bèn đi đến Hoàng Tấn, thỉnh cầu Tấn soạn bài tựa: “Xin Ngài vui lòng viết giúp bài tựa ghi lại nguyên nhân kiến tạo căn gác này đặng tôi đem về khắc làm bài ký”.

Tấn trộm nghĩ: Thánh hiền đời xưa tùy thời hành xử, vừa nắm vừa buông, vận dụng uyển chuyển, tuần hoàn không cùng, nhờ vậy mà mọi việc đều chuyển

biến thông suốt. Đức Phật thiết lập giáo pháp, trước hết chế ra giới luật. Nghĩa lý của các bộ phái, Đại Tiểu thừa đều trình bày đầy đủ; các việc khai giã (cho phép hay cấm chỉ) cũng chỉ nhằm một mục đích. Nhưng hễ càng cách xa Thánh nhân (Đức Phật) thì càng giới hạn vào những chuyên môn, tên gọi đặt ra càng nhiều thì đạo lý ngày càng ẩn khuất. Ví thế, Tổ Đạt-ma không dùng đến phương tiện mà chỉ thẳng nguồn tâm; tướng trạng của giới luật rất uyển chuyển, không có gì chướng ngại; nhưng càng gần thế tục, ngọn ngành, cái hoang đường chiếm ưu thế thì điều chân chính bị chia lìa, chạy theo cái phù phiếm bên ngoài thì tạo thành tư tưởng tà mạn. Ví thế, Tổ Bách Trượng hoàng dương quỹ phạm, đưa vào giới luật mà hành động, điều hợp hộ trì, vin vào sự tướng mà là vận dụng lý tính. Bởi vì, đạo lý của Phật nhờ Tổ Đạt-ma mà sáng tỏ; sự tướng của Phật do Bách Trượng mà hoàn bị. Cái diệu dụng của sự biến hóa thông suốt là do con người mà ra. Về sau, sự truyền thừa của Tổ Đạt-ma được chia thành năm phái, mà phát xuất từ Tổ Bách Trượng thì có hai phái. Các Thiên sư khác tuy mỗi nhà đều thiết lập ra yếu chỉ này, tông phái nọ, nhưng để quản lý đồ chúng ổn định thì chưa thấy ai không theo phép tắc của Bách Trượng. Thế thì gọi Sư (Bách Trượng) là “Thiên hạ sư biểu” quả thật xứng đáng, chẳng ngoa chút nào. Tại cõi Trung độ (Trung Quốc) này vua tôi đều tôn kính sùng mộ Phật pháp làm cho Phật giáo tỏa sáng không lúc nào bằng lúc này. Huy gặp thời có Thánh chúa, nương nhờ sự hộ pháp của hoàng đế

mà xiển dương những lời giáo huấn của tiền bối, thiệu long tông phong, khiến cho sơn môn cùng với quốc gia bền vững lâu dài, mãi mãi trường tồn; không những ngày nay Thiên hạ tôn xưng là Sư biểu mà cùng tận đời vị lai ai nấy cũng đều phải nương tựa. Tán tôi kính cần ghi lại vài điều trên đây, còn việc siêng năng theo thời khóa kinh kệ và xây dựng cơ ngơi tráng lệ thì khỏi cần bàn đến. Căn gác là một ngôi nhà chia làm năm gian, cao 120 thước, cứ một lần tu bổ thì tăng thêm một phần ba chiều cao, và ba lần tu bổ thì hoàn chỉnh rộng rãi như hiện nay. Việc xây dựng cho đến tháng sáu mùa hạ năm đầu niên hiệu Chí Thuận (1330) thì ổn định, nhưng đến tháng mười mùa đông thì công việc mới hoàn tất. Đức Huy yết kiến Thánh Thượng tháng năm mùa hạ, năm thứ ba niên hiệu Nguyên Thống, và vua xuống chiếu cho Sư vào tháng hai mùa xuân năm sau đến trụ núi này. Như vậy, Đức Huy chính thức trắc tích tại núi này là năm Chí Nguyên nguyên niên (1335).

Thừa Trục lang quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn soạn lời ký.

Hàn lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện biên tu quan Yết Hề Tư viết chữ thường.

Hàn lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử tri kinh diên sự Trương Khởi Nham viết chữ triện.

Tiền Vinh Lộc đại phu ngự sử trung thừa Triệu Thế An, Quang Lộc đại phu Giang Nam chư đạo hành ngự sử đại phu Dịch Thích Đống A cùng dựng bia đá.

古清規序

翰林學士朝散大夫行左司諫知制誥同修國史判史館事上柱國南陽郡開國侯食邑一千一百戶賜紫金魚袋楊億述

[1157c27] 百丈大智禪師。以禪宗肇自少室至曹溪以來。多居律寺。雖列別院。然於說法住持未合規度。故常爾介懷。乃曰。佛祖之道欲誕布化元。冀來際不泯者。豈當與諸部阿笈摩教為隨行耶。或曰。瑜珈論瓔珞經是大乘戒律。胡不依隨哉。師曰。吾所宗非局大小乘。非異大小乘。當博約折中。設於制範務其宜也。於是創意別立禪居。凡具道眼者有可尊之德。號曰長老。如西域道高臘長呼須菩提等之謂也。即為化主。即處於方丈。同淨名之室。非私寢之室也。不立佛殿唯樹法堂者。表佛祖親囑受當代為尊也。所哀學眾

無多少無高下。盡入僧堂依夏次安排。設長連床。施椀架掛塔道具。臥必斜枕床脣右脇吉祥睡者。以其坐禪既久略偃息而已。具四威儀也。除入室請益任學者勤怠。或上或下不拘常準。其闔院大眾朝參夕聚。長老上堂陞座主事徒眾雁立側聆。賓主問酬激揚宗要者。示依法而住也。齋粥隨宜[1]一時均遍者。務于節儉表法食雙運也。行普請法上下均力也。置十務謂之寮舍每用首領一人管多人。營事令各司其局也。或有假號竊形混于清眾別致喧撓之事。即當維那檢舉抽下本位掛搭。擯令出院者。貴安清眾也。或彼有所犯即以拄杖杖之。集眾燒衣鉢道具。遣逐從偏門而出者。示恥辱也。詳此一條制有四益。一不污清眾生恭信故。二不毀僧形循佛制故。三不擾公門省獄訟故。四不泄於外護宗綱故。四來同居聖凡孰辦。且如來應世尚有六群之黨。況今像末。豈得全無。但見一僧有過。便雷例譏誚。殊不知輕眾壞法其損甚大。今禪門若稍無妨害者。宜依百丈叢林規式。量事區分。且立法防姦。不為賢士。然寧可有格而無犯。不可有犯而無教。惟大智禪師護法之益其大矣哉。禪門獨行自此老始。清規大要遍示後學令不忘本也。其諸軌度集詳備焉。億幸叨叡旨刪定傳燈。成書圖進。因為序引。肯景德改元歲次甲辰良月吉日書。

CỔ THANH QUI TỰ

**HÀN LÂM HỌC SĨ TRIÊU TÁN ĐẠI PHU HÀNH TẢ TY GIÁN TRI CHẾ CÁO
ĐỒNG TU QUỐC SỬ PHÁN SỬ QUÁN THƯỢNG TRỤ QUỐC NAM DƯƠNG
QUẬN KHAI QUỐC HẦU THỰC ÁP NHẤT THIÊN BÁCH HỘ TỬ TỬ KIM NGŨ
ĐẠI DƯƠNG ƯC THUẬT**

[1157c27] Bách Trượng Đại Trí Thiên sư dĩ Thiên tông triệu tự Thiếu Thất chí Tào Khê dĩ lai đa cư luật tự. Tuy liệt biệt viện, nhiên ư thuyết pháp trụ trì, vị hiệp qui độ, cố thường nhĩ giới hoài, nãi viết: “Phật, Tổ chi đạo, dục đăn bố hóa nguyên, ký lai tế bất mẫn giả, khởi đương dĩ chư bộ A-cấp-ma giáo vi tùy hành da. Hoặc viết: ‘Du-già luận, Anh Lạc kinh thị Đại thừa giới luật, hồ bất y tùy tai?’”. Sư viết: “Ngô sở tông phi cục Đại-Tiểu thừa, phi dị Đại – Tiểu thừa, đương bác ước chiết trung, thiết ư chế phạm, vụ kỳ nghi dã”. Ứ thị sáng ý biệt lập Thiên cư. Phàm cụ đạo nhân giả, hữu khả tôn chi đức, hiệu viết Trưởng lão, như Tây Vực đạo cao lạp trưởng, hồ A-xà-lê đẳng chi vị dã. Tức vi hóa chủ, tức xử ư phương tượng đồng Tịnh Danh chi thất, phi tư tẩm chi thất dã. Bất lập Phật điện duy thọ pháp đường giả, biểu Phật, Tổ thân chúc thọ đương đại vi tôn dã. Sở tự học chúng vô đa thiếu, vô cao hạ, tận nhập tăng đường, y hạ thứ an bài. Thiết trường liên sàng, thi di giá quải đáp đạo cụ. Ngọa tấc tà chẩm sàng thân, hữu hiệp cát tường thùy giả, dĩ kỳ tọa

Thiên ký cứu, lược yển tức nhi dĩ. Cụ tứ uy nghi dã, trừ nhập thất thỉnh ích, nhiệm học giả cần đãi, hoặc thượng hoặc hạ, bất câu thường chuẩn. Kỳ hạp viện đại chúng, triều tham tịch tụ. Trưởng lão thượng đường, thăng tòa, chủ sự đồ chúng, nhận lập trác linh. Tân chủ vấn thù, kích dương tông yếu giả, thị y pháp nhi trụ dã. Trai chúc tùy nghi, nhị thời quân biến giả, vụ ư tiết kiệm biểu pháp thực song vận dã. Hành phổ thỉnh pháp, thượng hạ quân lực dã. Trí thập vụ vi chi liêu xá, mỗi dụng thủ lãnh nhất nhân, quản đa nhân dinh sự, linh các tư kỳ cục dã. Hoặc hữu giả hiệu thiết hình, hỗn vu thanh chúng, biệt trí huyền nhiều chi sự, tức đương duy-na kiểm cử, trừu hạ bốn vị quải đáp, tấn lệnh xuất viện giả, quý an thanh chúng dã. Hoặc bỉ hữu sở phạm tức dĩ trụ trượng trượng chi, tập chúng thiêu y bát đạo cụ, khiến trực từng thiên môn nhi xuất giả, thị sỉ nhục dã. Tường thử nhất điều chế hữu tứ ích : Nhất, bất ô thanh chúng, sanh cung tín cố. Nhị, bất ủy tăng hình, tuần Phật chế cố. Tam, bất nhiều công môn, tỉnh ngục tụng cố. Tứ, bất tiết ư ngoại, hộ tông cương cố. Tứ lai đồng cư, Thánh phạm thực biện.

Thả Như Lai ứng thế, thượng hữu lực quần chi đảng, hướng kim tượng mặt, khởi đắc toàn vô. Đản kiến nhất tăng hữu quá tiện lời lệ kê tiểu, thù bất tri khinh chúng hoại pháp, kỳ tổn thậm đại. Kim Thiên môn

nhược sảo vô phương hại giả, nghi y Bách Trượng
tùng lâm qui thức, lượng sự khu phân, thả lập pháp
phòng gian, bất vi hiền sĩ, nhiên ninh khả hữu cách nhi
vô phạm, bất khả hữu phạm nhi vô giáo.

Duy Đại Trí Thiên sư, hộ pháp chi ích, kỳ đại hĩ tai!
Thiên môn độc hành, tự thử lão thí. Thanh qui đại
yếu, biến thị hậu học, linh bất vong bốn dã. Kỳ chư
quỹ độ, tập tướng bị yên. Ưc hạnh thao duệ chỉ, san
định Truyền đăng, thành thư đồ tẩn, nhân vi tự dẫn.
Thời Cảnh Đức cải nguyên tuế thứ Giáp thìn lương
nguyệt cát nhật thư.

BÀI NGUYÊN TỰ SÁCH BÁCH TRƯỢNG THANH QUI

(Do Quan Hàn Lâm Học Sĩ Khai Quốc Hầu Dương Ưc Soạn Thuật)

*[1157c27] Thiên sư Bách Trượng Đại Trí cho rằng
Thiên tông bắt đầu từ (ngài Bồ-đề-đạt-ma) ở núi
Thiếu Thất cho đến (lục tổ Huệ Năng) tại Tào Khê
đổ lại, phần nhiều ở đậu chùa luật. Tuy liệt biệt
viện, nhưng về thuyết pháp trụ trì thì chưa hợp qui
độ, cho nên thường để ý nơi lòng, bèn nói rằng:
“Đạo của Phật và Tổ là muốn ban bố rộng rãi, giáo
hóa từ gốc, mong đến ngày sau không mờ diệt vậy.
Há nên cùng với các bộ A-cấp-ma Giáo mà tùy
hành ru? Có kẻ nói luận Du-già và kinh Anh Lạc là
gợi luật Đại thừa, vậy sao lại không nương theo
chứ!”. Sư nói: “Tông môn của ta không thuộc Đại –*

Tiểu thừa, mà cũng không khác Đại – Tiểu thừa, vậy nên co dãn chiết trung, thiết lập nơi chế phạm, nhằm thích nghi mà thôi”. Do đó mà sáng ý lập riêng Thiền tự. Phạm người gồm đủ mắt đạo, có đủ đạo đức đáng tôn vọng thì gọi là Trưởng lão, giống như bên Tây Vực ai đạo cao, tuổi lạp lớn thì gọi là A-xà-lê vậy. Túc phạm làm hóa chủ thì ở nơi chỗ phương trượng giống như thất của Tịnh Danh (Duy-ma-cật), chứ không phải nơi thất chỉ là buồng ngủ riêng. Không lập các Phật điện chỉ xây pháp đường, biểu thị nơi Phật và Tổ đích thân trao dạy, người đời nay phải tôn trọng. Còn chỗ tụ tập của số đông người học, không kể là nhiều ít, cao thấp, đều vào trợn tăng đường, y theo thứ tự tuổi lạp hạ an cư mà an bài, thiết lập giường dài liền nhau, làm giá treo để móc đạo cụ. Nằm thì gối nghiêng đầu mép giường, theo thế cát tường nghiêng sườn bên phải mà ngủ, coi như tọa thiền quá lâu, tạm nghỉ ngơi phần nào mà thôi. Còn về đầy đủ 4 oai nghi, trừ khi vào thất thưa hỏi thầy, còn thì để mặc cho người học cần mẫn hay trễ nhác, hoặc phải hoặc trái, không câu nệ nơi thường chuẩn. Còn đại chúng cả viện sáng thăm hỏi, chiêu tụ tập, vị Trưởng lão vào pháp đường lên trên tòa cao mà ngồi. Chủ sự và đồ chúng, đứng thành hàng như nhận bay lắng nghe. Chủ – khách vấn đáp mà kích dương tông yếu, biểu thị nương theo pháp mà trụ vậy. Cháo cơm tùy nghi,

hai thời đều cùng khắp, nhằm tiết kiệm biểu thị pháp thực song vận vận. Thi hành phép phổ thỉnh (tức lao động tập thể) trên dưới đều phải gắng sức ngang nhau. Đặt 10 nhiệm vụ phòng liêu, mỗi thứ đều dùng một người thủ lĩnh trông coi nhiều người làm việc, khiến mỗi người đều điều khiển, trông coi thuộc hạ của mình. Hoặc có kẻ giả hiệu trộm hình lộn sòng vào thanh chúng, gây chuyện rùm beng lộn xộn thì duy-na kiểm soát biết được, tức bỏ vị trí dùng cơm, gạch tên khỏi danh sách chư tăng đuổi ra khỏi viện nhằm tôn quý việc tu tập an ổn thanh tịnh của đại chúng. Hoặc có kẻ phạm lỗi thì tập hợp chúng lại, công cộng bình nghị khiển trách, tức dùng hèo mà đánh, hoặc trực xuất buộc phải theo cửa hông mà ra khỏi viện, biểu thị sỉ nhục. Xét kỹ điều chế này có bốn cái lợi ích:

1. Không làm ô uế chúng trong sạch, nảy sanh chuyện cung kính, tin tưởng.
2. Không hủy hoại tăng hình, tuân theo Phật chế định.
3. Không phiền quan lại công môn, tránh chuyện kiện tụng.
4. Không tiết lộ ra ngoài, bảo hộ kỷ cương của Tông phái.

Đại chúng cùng ở chung, Thánh hay phạm ai mà phân biệt được. Và lại, thời đức Như Lai ứng thế còn có nhóm 6 tỷ-kheo xấu ác, hướng hồ nay là thời

tượng pháp mặt thế, há có thể hoàn toàn không có những kẻ xấu được sao? Tuy nhiên nếu mỗi lần thấy một ông tăng có chút lỗi là lôi cả luật lệ sấm sét chê mắng thậm tệ mà không biết đó là khinh chúng, hoại pháp, tổn hại lớn lắm đấy!

Nay đây chốn Thiên môn mà muốn phần nào không có chuyện phượng hại, thì nên nương theo qui thức của Bách Trượng tùng lâm mà lượng sự, xử phân. Đành rằng lập pháp phòng gian là không dành cho bậc thiện sĩ, tuy nhiên nên hữu cách vô phạm, mà không nên hữu phạm vô giáo. Ích lợi hộ pháp của Thiên sư Đại Trí thật lớn lao thay! Độc hành của Thiên môn bắt đầu từ ông lão đó vậy. Nét đại yếu của Thanh Qui trải soi khắp kẻ hậu học, khiến không quên gốc vậy. Các phép tắc đường lối, sách này đều tập hợp rành rõ đầy đủ cả.

Dương Ưc tôi lạm được đọc chỉ ý sâu xa, san định Truyền đăng. Sách thành định dâng lên Thánh thượng, nhân đó viết lời tự dẫn. Ngày lành tháng tốt năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Đức cải nguyên.

*

* *

勅修百丈清規敘

[1159a05] 天曆至順間文宗皇帝建大龍翔集慶寺於金陵。寺成以十方僧居之。有旨行百丈清規。元統三年乙亥秋七月。今上皇帝申前朝之命。若曰。近年叢林清規往[3]往增損不一。於是特勅百丈山大智壽聖禪寺住持德輝重輯。其為書仍勅大龍翔集慶寺住持大訢。選有學業沙門。共校正之。期於歸一使遵行為常法。德輝等奉命唯謹。書將成。屬玄為敘。玄嘗聞諸師曰。天地間無一事無禮樂。安其所居之位為禮。樂其日用之常為樂。程明道先生一日過[4]定寺。偶見齋堂儀。喟然嘆曰。三代禮樂盡在是矣。豈非清規綱紀之力乎。曰服行之熟故能然乎。循其當然之則。而自然之妙行乎其中斯則不知者以為事理之障。而知之者則以為安樂法門固在是也。然使是書龐然雜而不倫。則有序而和之意。久而微矣。故校讐之功有益於是書甚大。而兩朝嘉惠學人之旨。相為無窮焉。宋清規行。楊文公億為敘本末。條目具詳。茲不重出云。至元二年丙子春三月上澣。翰林直學士中大夫知制誥同脩國史國子祭酒廬陵歐陽玄敘。

勅修百丈清規卷第八(終)

SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI TỰ

[1159a05] Thiên lịch Chí Thuận gian Văn Tông hoàng đế kiến Đại Long Tường Tập Khánh tự ư Kim Lăng. Tự thành dĩ thập phương tăng cư chi, hữu chi hành Bách Trượng thanh quy. Nguyên Thống tam niên Ất hợi thu thất nguyệt, kim thượng hoàng đế thân tiền triều chi mệnh, nhược viết: “Cận niên tùng lâm thanh quy vãng vãng tăng tồn bất nhất, ư thị đặc sắc Bách Trượng sơn Đại Trí Thọ Thánh thiền tự Trụ trì Đức Huy trùng tập.” Kỳ vi thư nhưng Sắc Đại Long Tường Tập Khánh tự Trụ trì Đại Hân tuyền hữu học nghiệp sa-môn, cộng hiệu chính chi, kỳ ư qui nhất sử tuân hành vi thường pháp. Đức Huy đặng phụng mệnh duy cần. Thư tương thành, chúc Huyền vi tự, Huyền thường văn chư sư viết: “Thiên địa gian vô nhất sự vô lễ nhạc. An kỳ sở cư chi vị vị lễ. Lạc kỳ nhật dụng chi thường vị nhạc.” Trình Minh Đạo tiên sinh nhất nhật quá Định Lâm tự, ngẫu kiến trai đường nghi, vị nhiên thán viết: “Tam đại lễ nhạc tận tại thị hỹ. Khởi phi thanh qui cương kỷ chi lực hồ? Viết phục hành chi thực cố năng nhiên hồ? Tuần kỳ đương nhiên chi tắc, nhi tự nhiên chi diệu; hành hồ kỳ trung tư tắc bất tri giả dĩ vi sự lý chi chương, nhi tri chi giả tắc dĩ vi an lạc pháp môn cố tại thị dã”. Nhiên sử thị thư bàng nhiên tạp nhi bất luân, tắc hữu tự nhi hoà chi ý, cửu nhi vi hỹ. Cố hiệu thù chi công hữu ích ư thị thư thậm đại. Nhi lưỡng triều gia huê học nhân chi chi, tương vi vô cùng yên. Tống thanh

qui hành, Dương văn công Úc vi tự bồn mật, điều mục cụ tường, tư bất trùng xuất vân.

Chí Nguyên nhị niên Bính tý xuân tam nguyệt thượng cán. Hàn lâm trực học sĩ trung đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử quốc tử tế tửu Lư Lăng Âu Dương Huyền tự.

Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển đệ bát chung

BÀI TỰA SÁCH SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUI

[1159a05] Vào khoảng năm Thiên Lịch Chí Thuận (1328-1332) Hoàng đế Văn Tông kiến tạo ngôi chùa Đại Long Tường Tập Khánh tại Kim Lăng. Đến khi chùa hoàn thành, tăng chúng mười phương đến cư trú, thì được thánh chỉ truyền lệnh thực hành thanh quy của Bách Trượng. Tháng bảy mùa thu, năm Ất Hợi, niên hiệu Nguyên Thống năm thứ ba, đức Kim Thượng hoàng đế vâng theo mệnh lệnh của triều trước, dạy rằng: “Những năm gần đây, Thanh quy của từng lâm thỉnh thoảng bị thêm bớt không còn thống nhất. Do vậy, trẫm truyền lệnh cho Trụ trì chùa Thiên Đại Trí Thọ Thánh núi Bách Trượng là Đức Huy sưu tập các bộ sách ấy, đồng thời truyền lệnh cho Trụ trì chùa Đại Long Tường Tập Khánh là Đại Hân tuyển chọn các Sa-môn có học thức cùng nhau hiệu chỉnh để bộ Thanh quy được thống nhất, ngõ hầu dùng làm phép tắc hằng ngày tại chốn tùng lâm”.

Đức Huy và các người khác kính cẩn phụng mệnh thực hiện Thánh chỉ. Khi sách sắp hoàn thành, Sư bèn đến

nhờ Huyền tôi viết lời tựa. Huyền tôi từng nghe các bậc tôn sư dạy rằng: “Trong khoảng trời đất này không có một việc gì là không dùng đến lễ nhạc. Sự ăn ở được yên ổn, có trật tự là nhờ có lễ. Mọi sinh hoạt hằng ngày diễn ra vui vẻ là nhờ có nhạc.” Một ngày nọ, tiên sinh Trình Minh Đạo ghé qua chùa Định Lâm, ngẫu nhiên trông thấy nghi thức của bữa thọ trai, cảm động tán thán: “Lễ nhạc của ba thời đại (Hạ, Thương, Chu) đều có tại đây vậy. Há chẳng phải do năng lực kỳ công của Thanh quy mà được như thế ư? Chính nhờ tuân hành thuần thực Thanh quy mới được như thế! Do tuân thủ những phép tắc nhất định mà tự nhiên đạt được sự diệu dụng. Khi thực hành những quy cũ này, kẻ không biết thì cho đó là chướng ngại sự lý, còn người thông hiểu thì bảo rằng tất cả pháp môn an lạc đều hội tụ nơi đây.” Nhưng để cho cuốn sách rối rắm này trở nên mạch lạc thì cần có bài tựa để điều hòa các ý nghĩa, nhờ vậy sẽ có giá trị tốt đẹp lâu dài. Thế nên, công lao của sự hiệu chính sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho bộ sách này. Và ân huệ mà hai triều đại (Tống, Nguyên) đã ban cho người học là vô cùng lớn lao vậy. Bộ Thanh quy này đã được ban hành từ đời Tống, và quan Hàn lâm học sĩ Dương Ưc đã viết tựa trình bày đầu đuôi điều mục đầy đủ rõ ràng, ở đây không cần phải lập lại nữa.

Thượng tuần tháng ba mùa xuân năm Bính Tý, niên hiệu Chí Nguyên năm thứ hai (1336), Hàn lâm trực học sĩ Trung đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử quốc tử tế tửu Lô Lăng Áu Dương Huyền viết tựa.

Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển thứ 8 hết